TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 3 năm 2019
V/v Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch
2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Thúy Vịnh– Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2018/TLST- HNGĐ ngày14 tháng 12 năm 2018 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX- ST ngày 22 tháng 02 năm2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971- Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1964- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai,biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 8 năm 2018 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do ông D thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới bà H. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Kim D là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim D có một người con chung: Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003

Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Thị Quý N cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N tròn 18 tuổi và bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai,biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Kim D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim D thừa nhận chung sống với bà Nguyễn Thị H như vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy tình cảm không còn, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Kim D thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Kim D và bà Nguyễn Thị H có một người con chung: Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003

Ông Nguyễn Kim D có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi và yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Kim D, về con chung bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Thị Quý N cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N tròn 18 tuổi và bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định trong BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, 15, 58, 81, 82, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, không công nhận bà H và ông D là vợ chồng, giao cháu Nguyễn Thị Quý N cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N tròn 18 tuổi và yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi cháu N 1.390.000 đồng/ tháng cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi,về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đề ngày 03/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật*"Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*được quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Kim D cư trú tại thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụán làđúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa các bên không cung cấp chứng cứ gì thêm,nên HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và các đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ,để giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Kim D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Kim D là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Kim D đều thừa nhận đã thực hiện việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến không thể tiếp tục chung sống, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, nên HĐXX không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim D là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Kim D và bà Nguyễn Thị H có một người con chung: Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003

Ông Nguyễn Kim D và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Quý N, giao cháu Nguyễn Thị Quý N cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N tròn 18 tuổi, ngoài ra theo biên bản xác minh ngày 23/01/2019 chính quyền địa phương cung cấp, ông Nguyễn Kim D có nhà cửa, thu nhập ổn định, đủ mọi điều kiện nuôi cháu Nguyễn Thị Quý N. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi cháu N đảm bảo đúng quy định pháp luật, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của ông D và bà H để giao cháu Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003 cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N tròn 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Kim D yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Quý N 3.000.000 đồng/ tháng, bà Nguyễn Thị H không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N.

HĐXX xét thấy, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *" Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*

Khoản 1 Điều 116 quy địnhLuật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết"*

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 23/01/2019 chính quyền địa phương cung cấp, bà Nguyễn Thị H không có nhà cửa, không có công việc ổn định hiện đang đi làm thuê, có thu nhập thấp, bà H cũng thừa nhận thu nhập mỗi tháng của bà chỉ khoảng 3.000.000 đồng, nên HĐXX cần buộc bà Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Quý N trên mức lương cơ sở do nhà nước quy định hiện nay, cụ thể là: 1.400.000 đồng/1tháng, cho tới lúc cháu N tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim D đều không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227; Điều 266 BLTTDS;

- Căn cứ Điều 14, 15, 58, 81, 82, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim D là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thuận của các đương sự và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Quý N.

Giao cháu Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003 cho ông Nguyễn Kim D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm,chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm cấp dưỡngnuôi cháu Nguyễn Thị Quý N; sinh ngày 19/9/2003 mỗi tháng 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Quý N tròn 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu,nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số AA/2017/0009609 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Kim D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *THADS huyện Krông Pắc;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã E;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Anh Hùng